|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN****TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-UBND | *Quảng Bình, ngày tháng năm 2019* |

**TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua phương án phân bổ nguồn vốn dự phòng trung hạn 2016 - 2020 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 30/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 110/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định về mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn ngân sách Trung ương và bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tỉnh Quảng Bình;

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về phương án phân bổ nguồn vốn dự phòng trung hạn 2016 - 2020 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới như sau:

**I. Các căn cứ pháp lý liên quan:**

- Căn cứ Quyết định số 1865/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch thực hiện các chuơng trình MTQG giai đoạn 2016-2020;

- Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020;

- Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 – 2020;

- Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT- BNNPTNT ngày 10/6/2016 hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp;

- Căn cứ Văn bản số 2367/BKHĐT-HTX ngày 17/4/2018 và số 3626/BKHĐT-HTX ngày 31/5/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của TTCP phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2016-2020 trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

- Căn cứ Văn bản số 1809/BKHĐT-KTNN ngày 22/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn sử dụng vốn dự phòng trung hạn 2016 - 2020 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

- Căn cứ Văn bản số 2235/BNN-VPĐP của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân bổ vốn dự phòng trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới;

- Căn cứ Văn bản số 2912/BKHĐT-HTX ngày 07/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hỗ trợ phát triển hợp tác xã từ nguồn vốn dự phòng 10% Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Văn bản số 651/UBND-KT ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh về hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020;

**II. Về đối tượng hỗ trợ:** Theo quy định tại văn bản số 1809/BKHĐT-KTNN ngày 22/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn sử dụng vốn dự phòng trung hạn 2016 - 2020 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đối tượng hỗ trợ gồm:

1. **Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo**:

Theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020, tỉnh Quảng Bình có 104 thôn của 8 xã thuộc 4 huyện gồm Minh Hóa, Bố Trạch, Quảng Ninh và Lệ Thủy có trong danh mục thuộc đối tượng hỗ trợ của đề án này.

1. **Đề án hỗ trợ phát triển hợp tác xã**:

Theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 và Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ, chỉ hỗ trợ cho các hợp tác xã đảm bảo đồng thời các điều kiện sau:

- Đảm bảo các tiêu chí quy định tại Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp;

- Đảm bảo tiêu chí tại Văn bản hướng dẫn số 2367/BKHĐT-HTX ngày 17/4/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**III. Dự kiến phương án phân bổ chi tiết vốn dự phòng giai đoạn 2019-2020 và điều chỉnh phương án phân bổ chi tiết vốn dự phòng năm 2019.**

Tổng số vốn dự phòng NSTW giai đoạn 2019-2020 [[1]](#footnote-1): 80.130 triệu đồng.

Theo quy định tại Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 – 2020, số vốn bố trí cho Đề án này chiếm khoảng 40% tổng số vốn. Như vậy, số vốn dự kiến phân bổ như sau:

+ ***Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo*** : 32.052 triệu đồng;

*+* ***Đề án hỗ trợ phát triển hợp tác xã*** : 48.078 triệu đồng.

Cụ thể như sau:

1. ***Về phương án phân bổ vốn thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo***: 32.052 triệu đồng [[2]](#footnote-2).

Số vốn dự kiến phân bổ cho từng xã được tính bằng cách chia bình quân cho mỗi thôn, sau đó nhân theo số thôn để phân bổ cho từng xã. Cụ thể:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục xã** **được hỗ trợ** | **Số thôn** | **Số tiền được hỗ trợ** **giai đoạn 2019-2020**  |
| Tổng số | Trong đó: Năm 2019 đã phân bổ |
|  | **Tổng số** | **104** | **32.052** | **12.480** |
| *1* | *Huyện Lệ Thủy* | *18* | *5.547* | *2.160* |
| - | Kim Thủy  | 12 | 3.698 | 1.440 |
| - | Lâm Thủy | 6 | 1.849 | 720 |
| *2* | *Huyện Quảng Ninh* | *20* | *6.164* | *2.400* |
| - | Trường Sơn | 20 | 6.164 | 2.400 |
| *3* | *Huyện Bố Trạch* | *18* | *5.547* | *2.160* |
| - | Thượng Trạch | 18 | 5.547 | 2.160 |
| *4* | *Huyện Minh Hóa* | *48* | *14.793* | *5.760* |
| - | Thượng Hóa | 10 | 3.082 | 1.200 |
| - | Hóa Sơn | 5 | 1.541 | 600 |
| - | Trọng Hóa | 18 | 5.547 | 2.160 |
| - | Dân Hóa | 15 | 4.623 | 1.800 |

1. ***Về phương án phân bổ vốn thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển hợp tác xã:***  48.078 triệu đồng.

Theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công văn số 2367/BKHĐT-HTX ngày 17/4/2018 và Công văn số 3626/BKHĐT-HTX ngày 31/5/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiến hành rà soát các HTX trên địa bàn toàn tỉnh. Kết quả tỉnh Quảng Bình có 40[[3]](#footnote-3)/185 HTX nông nghiệp đủ điều kiện và đạt các tiêu chí để được hỗ trợ theo Đề án hỗ trợ phát triển HTX theo quy định (chiếm tỷ lệ 21,6% tổng số HTX nông nghiệp). Để vừa đảm bảo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả nguồn vốn NSTW hỗ trợ thực hiện Đề án tại tỉnh Quảng Bình, tránh đầu tư dàn trải, manh mún …; đồng thời đảm bảo sự tương quan đồng đều giữa các địa phương, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phương án phân bổ như sau: Trong số 40 HTX đủ điều kiện, rà soát sắp xếp theo thứ tự ưu tiên chọn ra 15 HTX để thực hiện hỗ trợ. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Danh mục | HTX đủ điều kiệnhỗ trợ | Số HTX được hỗ trợ | Số tiền được hỗ trợ giai đoạn 2019-2020 |
| Số lượng  | Tỷ lệ (%) |  | Số tiền (Triệu đồng) | Tỷ lệ (%) |
|   | **Tổng số**  | **40** | **100** | **15** | **48.078** | **100** |
|  1 | Lệ Thủy | 24 | 60 | 6 | 23.078 | 48,0 |
|  2 | Quảng Ninh | 8 | 20 | 3 | 9.000 | 18,72 |
|  3 | Đồng Hới | 4 | 10 | 2 | 4.000 | 8,32 |
|  4 | Bố Trạch | 1 | 2,5 | 1 | 3.000 | 6,24 |
| 5 | Ba Đồn | 1 | 2,5 | 1 | 3.000 | 6,24 |
|  6 | Quảng Trạch | 1 | 2,5 | 1 | 3.000 | 6,24 |
|  7 | Tuyên Hóa | 1 | 2,5 | 1 | 3.000 | 6,24 |

Tiêu chí, điều kiện lựa chọn HTX theo Thông tư 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

* Các HTX nông nghiệp thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13;
* Các HTX có hợp đồng liên kết tiêu thụ nông sản với các doanh nghiệp có giá trị tối thiểu 300 triệu đồng/năm;
* Trong thời gian 3 năm trước thời điểm đề nghị hỗ trợ, hợp tác xã nông nghiệp phải có ít nhất 1 năm đạt tổng doanh thu tối thiểu là 1,0 tỷ đồng/năm.
* Đối với HTX cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung phải đảm bảo: (i) Công suất một ngày đêm của cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung do hợp tác xã đề nghị hỗ trợ phải đạt tối thiểu 400 con gia súc hoặc 4.000 con gia cầm hoặc 200 con gia súc và 2.000 con gia cầm; (ii) Bảo đảm phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.
* Đối với HTX được hỗ trợ về công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp, nuôi trồng thủy sản:

 + Diện tích đất sản xuất do hợp tác xã nông nghiệp đảm nhận cấp nước, tưới hoặc tiêu tối thiểu phải đạt 50 ha; riêng đối với công trình cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm là 10 ha.

 + Vùng sản xuất nơi xây dựng, nâng cấp trục chính giao thông nội đồng phải có diện tích tối thiểu 50 ha; đối với đường lâm nghiệp nội vùng phải có diện tích tối thiểu là 100 ha.

 + Quy mô vùng nuôi nuôi trồng thủy sản của HTX tối thiểu là 5 ha;

 - Quy trình, hồ sơ thủ tục đề nghị hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp thực hiện theo quy trình thủ tục chung do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn.

Nguyên tắc lựa chọn: Tất cả các HTX được lựa chọn phải đảm bảo tiêu chí, điều kiện ở trên và các quy định liên quan khác theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Công văn số 2367/BKHĐT-HTX ngày 17/4/2018 và Công văn số 3626/BKHĐT-HTX ngày 31/5/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

* Ưu tiên bố trí cho 08 HTX đã được rà soát theo Công văn 2367/BKHĐT-HTX ngày 17/4/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và nằm trong danh mục được tại Công văn số 651/UBND-KT ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh về hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
* 07 HTX còn lại: Ưu tiên bố trí cho các địa phương chỉ được 01 HTX đủ điều kiện như hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo tính vùng, miền giữa các địa phương; tạo động lực chung cho sự phát triển trên toàn tỉnh; số còn lại rà soát trên cơ sở đề xuất của các huyện, ưu tiên các huyện có tỷ lệ HTX đủ điều kiện, đạt tiêu chí cao.
* Các HTX được hỗ trợ phải là HTX tiêu biểu của địa phương được Văn phòng điều phối nông thôn mới và UBND các địa phương thống nhất đề xuất, đồng thời phải có khả năng đối ứng 20% vốn để triển khai thực hiện các hạng mục kết cấu hạ tầng hỗ trợ đầu tư theo quy định.

 **IV. Phương án điều chỉnh phân bổ vốn dự phòng năm 2019**

Năm 2019, trên cơ sở thông báo vốn của Trung ương [[4]](#footnote-4), UBND tỉnh đã trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ vốn dự phòng NSTW Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới với số vốn: 25.150 triệu đồng. Trong đó:

- Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020: 12.480 triệu đồng (đã giao chi tiết).

- Đề án hỗ trợ phát triển hợp tác xã: 5.670 triệu đồng (chưa phân bổ).

- Hỗ trợ 01 đến 02 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 7.000 triệu đồng (chưa phân bổ).

Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1809/BKHĐT-KTNN ngày 22/3/2019 chỉ cho phép bố trí nguồn vốn dự phòng NSTW Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để thực hiện 02 Đề án: (1) Hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 và (2) Hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Vì vậy, đề nghị HĐND tỉnh cho điều chỉnh số vốn đã bố trí hỗ trợ cho xã nông thôn mới kiểu mẫu (7.000 triệu đồng) để bổ sung vào Đề án Hỗ trợ hợp tác xã. Số tiền hỗ trợ Đề án phát triển hợp tác xã (sau điều chỉnh) năm 2019 là 12.670 triệu đồng và lồng ghép trong phương án phân bổ giai đoạn 2019 - 2020 nêu trên.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** Như trên;
* Thường trực HĐND tỉnh;
* Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
* Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
* Các đại biểu HĐND tỉnh;
* Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
* Lưu: VT, TH1.
 | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT.CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Lê Minh Ngân**  |

1. Thông báo số 1809/BKHĐT-KTNN ngày 22/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư [↑](#footnote-ref-1)
2. trong đó, năm 2019 đã được Thường trực HĐND tỉnh thông qua phương án phân bổ tại Văn bản số 206/HĐND–VP ngày 28/12/2018, và UBND tỉnh bố trí tại Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 25/02/2019 về việc phân bổ kế hoạch vốn NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 là 12.480 triệu đồng; *số vốn còn lại chưa phân bổ là* ***19.572*** *triệu đồng* [↑](#footnote-ref-2)
3. Phân chia theo địa bàn gồm: Lệ Thủy 24 HTX; Quảng Ninh 8 HTX, Đồng Hới 4 HTX; Bố Trạch, Ba Đồn, Quảng Trạch và Tuyên Hóa, mỗi huyện 1 HTX. [↑](#footnote-ref-3)
4. được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao tại Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 21/12/2018 [↑](#footnote-ref-4)